

Bản án số: 02/2024/HS-ST
Ngày: 22/01/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hà Thị Vân Anh và ông Phạm Đức Đông.

Thư ký phiên toà: Ông Mai Hiền Tiến, Thư ký Toà án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Tuấn Linh, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 81/2023/TLST-HS ngày 15 tháng 12 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2024/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam đối với các bị cáo:

1. Phạm Văn D, sinh năm 1985; Nơi cư trú: thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn D1 và bà Đặng Thị N; có vợ là Phạm Thị H và có 03 con; tiền án, tiền sự: Không; bị giam giữ từ ngày 23/5/2023 đến ngày 19/10/2023 được tại ngoại, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

2. Phạm Văn D1, sinh năm 1961; Nơi cư trú: thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Đảng, đoàn thể: Đảng viên, đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng từ ngày 22/12/2023; con ông Phạm Văn L và bà Nguyễn Thị X (đều đã chết); có vợ là Đặng Thị N và có 03 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 23/5/2023 đến ngày 01/6/2023 được tại ngoại, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

3. Đặng Thị N, sinh năm 1961; Nơi cư trú: thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Đình T và bà Nguyễn Thị C (đều đã chết); có chồng là Phạm Văn D1 và có 03 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 23/5/2023 đến ngày 01/6/2023 được tại ngoại, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

4. Lê Ngọc L, sinh năm 1993; Nơi cư trú: thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Thanh S và bà Phạm Thị M; có vợ là Vũ Thị L và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 23/5/2023 đến ngày 01/6/2023 được tại ngoại, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

5. Hoàng Văn T, sinh năm 1988; Nơi cư trú: thôn B, xã L, thành phố P, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn T1 và bà Đào Thị H; có vợ là Nguyễn Thị T và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị giam giữ từ ngày 23/5/2023 đến ngày 10/8/2023 được tại ngoại, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

6. Nguyễn Thị T, sinh năm 1992; Nơi cư trú: thôn B, xã L, thành phố P, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị L; có chồng là Hoàng Văn T và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 23/5/2023 đến ngày 01/6/2023 được tại ngoại, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

7. Phạm Văn C, sinh năm 1978; Nơi cư trú: thôn B, xã L, thành phố P, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn Đ và bà Nguyễn Thị U (đều đã chết); có vợ là Nguyễn Thị Tr và có 03 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 23/5/2023 đến ngày 01/6/2023 được tại ngoại, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1961; địa chỉ: thôn B, xã T, huyện T, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

2. Anh Đỗ Hải N, sinh năm 1987; địa chỉ: thôn B, xã L, thành phố P, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đầu tháng 5/2023, vợ chồng Phạm Văn D1 và Đặng Thị N thoả thuận với Đỗ Thị L để Đặng Thị N làm thư ký bán số lô, số đề cho người chơi, sau đó chuyển cho L để hưởng tiền hoa hồng. Theo thoả thuận, L tính với N giá 01 điểm lô là 21.700 đồng; 72% trên tổng số tiền đề, ba càng; D1, N tính với người chơi là 22.500 đồng/1 điểm lô hưởng lợi 800 đồng/1 điểm lô, thu 80% số tiền đề, ba càng trên tổng số tiền đề, ba càng của người mua và hưởng lợi 8%. L, N, D1 thống nhất sử dụng tin nhắn Zalo để chuyển số lô đề, thanh toán tiền thắng thua bằng

tiền mặt hoặc chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng số 26668689999 mở tại Ngân hàng Mbbank mang tên Phạm Thị L, sinh năm 2000 (thôn 1, xã T, huyện T; là con gái của L). Sau đó, D1, Nết thống nhất với Phạm Văn D (là con trai của D1, N) để D sử dụng nhà ở mình (thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Hà Nam) bán số lô đề cho người chơi dưới hình thức trực tiếp ghi cấp hoặc qua tin nhắn điện thoại. Khoảng 17 giờ hàng ngày, D tổng hợp số lô đề do vợ chồng D1, N bán cho người chơi cùng số lô đề do D ghi trong ngày vào bảng kê số lô tô và chụp ảnh, chuyển bảng qua tin nhắn Zalo cho L. Theo quy ước của những người chơi số lô đề là dựa vào kết quả xổ số kiến thiết miền Bắc hàng ngày để tính thắng thua; cụ thể như sau:

- Đối với số đề 2 số: Người chơi tự chọn các số gồm hai số tự nhiên bất kỳ từ 00 đến 99 và số tiền mua số đề đó (số lượng số đề và số tiền chơi tùy thuộc vào khả năng của người chơi); nếu số đề của người chơi đã mua trùng với hai số cuối cùng của giải đặc biệt thì người chơi sẽ được hưởng số tiền gấp 70 lần so với số tiền đã bỏ ra chơi.

- Đối với số đề 3 số: Người chơi tự chọn các số gồm ba số tự nhiên bất kỳ từ 000 đến 999 và số tiền mua số đề đó; nếu số đề của người chơi đã mua trùng với ba số cuối cùng của giải đặc biệt thì người chơi được hưởng số tiền gấp 400 lần so với số tiền đã bỏ ra chơi.

- Đối với số lô: Người chơi chọn mua một cặp số tự nhiên bất kỳ gồm 2 số từ 00 đến 99; nếu cặp số đã mua trùng với 2 số cuối của tất cả các giải, từ giải đặc biệt đến giải bảy thì người chơi được hưởng số tiền là 80.000 đồng/1 điểm lô.

Khoảng 16 giờ ngày 23/5/2023, Nguyễn Văn T, sinh năm 1961 (thôn B, xã T, huyện T) ghi các số đề, ba càng lên trên giấy rồi chụp ảnh, gửi qua tin nhắn Zalo cho D1 để mua số đề, ba càng trái phép với số tiền là 640.000 đồng, T không trúng thưởng, số tiền T sử dụng đánh bạc trái phép là 640.000 đồng.

Khoảng 17 giờ ngày 23/5/2023, Phạm Văn C nhắn tin SMS cho D để mua số đề trái phép với số tiền là 3.471.000 đồng, C trúng thưởng 4.000.000 đồng, số tiền C sử dụng đánh bạc trái phép là 7.471.000 đồng. Ngoài ra, C còn đánh bạc với Hoàng Văn T, Nguyễn Thị T với số tiền 6.250.000 đồng.

Khoảng 17 giờ 45 phút ngày 23/5/2023, Lê Ngọc L nhắn tin Facebook cho Phạm Văn D để mua số lô trái phép với số tiền là 1.125.000 đồng, L trúng thưởng 4.000.000 đồng, số tiền L sử dụng đánh bạc trái phép là 5.125.000 đồng.

Ngoài ra trong ngày 23/5/2023, D1, N, D còn trực tiếp ghi số lô, số đề cho nhiều người chơi khác qua hình thức ghi cấp với tổng số tiền là 15.246.000 đồng nhưng D1, N, D không xác định được lại lịch.

Khoảng 18 giờ 00 phút ngày 23/5/2023, D tổng hợp bảng ghi số lô đề của người chơi với tổng số tiền là 20.482.000 đồng (gồm 640.000 đồng của T; 3.471.000 đồng của C; 1.125.000 đồng của L và 15.246.000 đồng của các khách

vãng lai). D chuyển bảng lô đề cho L với số tiền 19.216.800 đồng, hưởng lợi 1.265.200 đồng tiền hoa hồng, người chơi trúng thưởng 14.200.000 đồng. Do vậy, tổng số tiền D1, N, D và L sử dụng vào việc tổ chức đánh bạc trái phép là 34.682.000 đồng (20.482.000 đồng + 14.200.000 đồng). Ngoài ra, D còn sử dụng số tiền 36.880.500 đồng để mua số lô đề của L thông qua việc ghi thêm số tiền mua số lô đề vào cùng bảng tổng hợp số lô đề D chuyển cho L, D trúng thưởng 44.050.000 đồng, số tiền D đánh bạc trái phép là 80.930.500 đồng (36.880.500 đồng + 44.050.000 đồng).

Đối với Hoàng Văn T, Nguyễn Thị T: T và T khai nhận là thư ký lô đề cho đối tượng tên Đ (hiện chưa xác định được lai lịch) để hưởng tiền hoa hồng. Theo thỏa thuận, Đ tính giá 01 điểm lô là 21.700 đồng, 72% trên tổng số tiền đề, ba càng; T, T tính với người chơi 01 điểm lô là 22.500 đồng, tổng số tiền đề, ba càng hưởng lợi 800 đồng/1 điểm lô; thu 80% số tiền đề, ba càng trên tổng số tiền đề, ba càng của người mua và hưởng lợi 8%. T, T và Đ thống nhất sử dụng tin nhắn Zalo để chuyển số lô đề, thanh toán tiền thắng thua bằng tiền mặt. Hàng ngày, T và T sử dụng điện thoại di động Iphone 8, số thuê bao 0965.161.874 để nhận số lô đề của người chơi qua tin nhắn điện thoại; sau đó, T, T sử dụng tài khoản Zalo "Bảo Khánh" chuyển bảng số lô đề đến tài khoản Zalo "Huy Nguyễn" của Đ.

Với cách thức trên, khoảng 16 giờ 45 phút ngày 23/5/2023, Đỗ Hải N, sinh năm 1987 (thôn B, xã L, thành phố P) nhắn tin SMS đến số thuê bao 0965.261.874 của T để mua số lô trái phép với số tiền là 675.000 đồng, N trúng thưởng 2.400.000 đồng, số tiền N đánh bạc trái phép là 3.075.000 đồng.

Sau khi bán số lô cho N, do phải đi ra ngoài T đưa điện thoại di động Iphone 8 cho T để T ở nhà nhận số lô, số đề của người chơi và tổng hợp bảng chuyển cho Đ. Khoảng 17 giờ 15 phút ngày 23/5/2023, Phạm Văn C nhắn tin Zalo cho vợ chồng T, T để mua số lô trái phép với số tiền là 2.250.000 đồng, C trúng thưởng 4.000.000 đồng, số tiền T, T đánh bạc trái phép là 6.250.000 đồng.

Ngoài ra, khoảng 18 giờ ngày 23/5/2023, T sử dụng tài khoản Zalo "Tuấn T" nhắn tin số lô đề với số tiền 743.600đ đến tài khoản Zalo "Bảo Khánh" để T chuyển cho Đ; mục đích T trực tiếp đánh bạc với Đ và T không trúng thưởng, số tiền T, T đánh bạc trái phép là 743.600đ.

Số tiền số lô đề T, T bán trái phép cho người chơi là 3.668.600 đồng (675.000 đồng + 2.250.000 đồng + 743.600 đồng), T chuyển cho Đ 3.564.600 đồng và hưởng lợi 104.000 đồng. Số tiền người chơi trúng thưởng là 6.400.000 đồng (2.400.000 đồng + 4.000.000 đồng), số tiền Đ đánh bạc trái phép với T, T là 9.964.600 đồng (3.564.600 đồng + 6.400.000 đồng).

Vật chứng đã thu giữ gồm: Phạm Văn D giao nộp 01 bảng kê số lô tô đề ngày 23/5; 28 tờ cáp ghi số lô, số đề; 01 điện thoại di động cảm ứng vỏ màu vàng nhãn hiệu Samsung Galaxy J8 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno 8 25G. Phạm Văn D1 giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus. Đặng Thị N giao nộp 01 điện thoại di động Samsung Galaxy A04 và số tiền

6.100.000 đồng. Lê Ngọc L giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro Max. Phạm Văn C giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro. Nguyễn Thị T giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus. Hoàng Văn T giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro; các điện thoại di động đều được niêm phong theo quy định.

Ngày 23/5/2023, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Hà Nam ra Lệnh bắt người trong trường hợp khẩn cấp đối với Phạm Văn D1, Phạm Văn D, Đặng Thị N, Hoàng Văn T, Nguyễn Thị T, Phạm Văn C, Lê Ngọc L. Lệnh khám xét khẩn cấp chỗ ở đối với Phạm Văn D, Hoàng Văn T, Phạm Văn C, Lê Ngọc L; quá trình khám xét tạm giữ của Phạm Văn D số tiền 7.150.000 đồng.

Kiểm tra và khai thác dữ liệu điện tử đối với các điện thoại di động đã thu giữ xác định: Điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J8 thu giữ của Doanh có tin nhắn qua ứng dụng Messenger liên quan đến nội dung ghi số lô, số đề với Lê Ngọc L, có tin nhắn qua ứng dụng Zalo liên quan đến nội dung chuyển số lô, số đề với Đỗ Thị L; điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno 8 25G thu giữ của D có tin nhắn qua ứng dụng Messenger liên quan đến nội dung ghi số lô, số đề với Lê Ngọc L, có tin nhắn SMS liên quan đến nội dung ghi số lô, số đề với Phạm Văn C; điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro thu giữ của C có tin nhắn SMS liên quan đến nội dung ghi số lô, số đề với Phạm Văn D và có tin nhắn qua ứng dụng Zalo liên quan đến nội dung chuyển số lô, số đề với Hoàng Văn T; điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro, thu giữ của T có tin nhắn qua ứng dụng Zalo liên quan đến nội dung chuyển số lô, số đề cho Nguyễn Thị T; điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus thu giữ của T có tin nhắn qua ứng dụng Zalo liên quan đến nội dung ghi số lô, số đề với Phạm Văn C; điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro Max thu giữ của L có tin nhắn qua ứng dụng Messenger liên quan đến nội dung ghi số lô, số đề với Phạm Văn D.

Tại bản Kết luận giám định số 5491/KL-KTHS ngày 16/10/2023 của Viện Khoa học hình sự Bộ Công an kết luận: Trong đối tượng gửi giám định ký hiệu A1 là chiếc điện thoại di động do Đặng Thị N giao nộp; ký hiệu A2 là chiếc điện thoại di động do Phạm Văn D1 giao nộp; ký hiệu A3 là chiếc điện thoại di động do Phạm Văn C giao nộp; ký hiệu A4 là chiếc điện thoại di động do Hoàng Văn T giao nộp; ký hiệu A5 là chiếc điện thoại di động do Nguyễn Thị T giao nộp; ký hiệu A6 là chiếc điện thoại di động do Lê Ngọc L giao nộp; ký hiệu A7 là chiếc điện thoại di động do Phạm Văn D giao nộp có nhiều tin nhắn SMS, Zalo, Facebook Messenger; chi tiết thể hiện trong thư mục A8 đĩa DVD kèm theo.

Tiến hành khai thác dữ liệu của đĩa DVD kèm theo Kết luận giám định số 5491/KL-KTHS ngày 16/10/2023 của Viện Khoa học hình sự Bộ Công an xác định các nội dung thông tin phù hợp với kết quả kiểm tra và khai thác dữ liệu điện tử đối với các điện thoại di động đã thu giữ. Ngoài ra, không phát hiện các nội dung thông tin khác có liên quan đến vụ án.

Kết quả nhận dạng bản ảnh: D1, N, D nhận được L; T không nhận dạng được đối tượng tên Đ là người nhận bằng số lô, số đề của T, T.

Cáo trạng số 01/CT-VKS-P2 ngày 14/12/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam truy tố bị cáo Phạm Văn D về tội “Đánh bạc” và “Tổ chức đánh bạc” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 321, điểm c khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Phạm Văn D1 và Đặng Thị N về tội “Tổ chức đánh bạc” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Lê Ngọc L, Phạm Văn C, Hoàng Văn T và Nguyễn Thị T về tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam giữ nguyên quyết định truy tố; đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố Phạm Văn D phạm tội “Đánh bạc” và “Tổ chức đánh bạc”; các bị cáo Phạm Văn D1 và Đặng Thị N phạm tội “Tổ chức đánh bạc”; các bị cáo Lê Ngọc L, Phạm Văn C, Hoàng Văn T và Nguyễn Thị T phạm tội “Đánh bạc”.

Về hình phạt chính, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321, điểm c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 55; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Văn D từ 39 đến 42 tháng tù về tội “Đánh bạc” và từ 15 đến 18 tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Phạm Văn D phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội từ 54 đến 60 tháng tù.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Phạm Văn D1 và Đặng Thị N. Đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Văn D1 và Đặng Thị N, mỗi bị cáo từ 18 đến 21 tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 36 đến 42 tháng, kể từ ngày tuyên án.

Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Lê Ngọc L, Phạm Văn C, Hoàng Văn T và Nguyễn Thị T. Đề nghị xử phạt:

Bị cáo Lê Ngọc L từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng, kể từ ngày tuyên án.

Hoàng Văn T từ 18 đến 21 tháng tù cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 36 đến 42 tháng, kể từ ngày tuyên án.

Nguyễn Thị T từ 15 đến 18 tháng tù cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 30 đến 36 tháng, kể từ ngày tuyên án.

Phạm Văn C từ 12 đến 15 tháng tù cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng, kể từ ngày tuyên án.

Về hình phạt bổ sung: Phạt các bị cáo Lê Ngọc L, Phạm Văn C, Hoàng Văn T và Nguyễn Thị T, mỗi bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước. Các bị cáo Phạm Văn D, Phạm Văn D1 và Đặng Thị N có hoàn cảnh khó khăn nên đề nghị miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Truy thu nộp ngân sách nhà nước đối với: Bị cáo Phạm Văn D số tiền bị cáo đánh bạc 36.880.500 đồng; các bị cáo Phạm Văn D, Phạm Văn D1 và Đặng Thị N số tiền đã nhận của người chơi bạc 17.011.000 đồng; bị cáo Phạm Văn C số tiền đánh bạc 5.721.000 đồng; các bị cáo Hoàng Văn T và Nguyễn Thị T số tiền trúng thưởng chưa trả cho người chơi 6.400.000 đồng; bị cáo Hoàng Văn T số tiền bị cáo đánh bạc 743.600 đồng.

Tịch thu sung quỹ nhà nước: 07 điện thoại di động thu giữ của các bị cáo D, D1, L, C, T, T và số tiền 13.250.000đ thu giữ của bị cáo N và bị cáo D; trả lại bị cáo N 01 điện thoại di động.

Tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình; đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương để có thời gian chăm sóc gia đình; không có tranh luận gì với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do. Trên cơ sở đề nghị của các bị cáo, quan điểm của Kiểm sát viên, căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Hà Nam, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về hành vi và tội danh: Lời khai nhận tội của các bị cáo Phạm Văn D, Phạm Văn D1, Đặng Thị N, Lê Ngọc L, Phạm Văn C, Hoàng Văn T, Nguyễn Thị T tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, vật chứng thu giữ cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó đủ cơ sở kết luận:

- Tháng 5 năm 2023, Đỗ Thị L thỏa thuận để Phạm Văn D1, Đặng Thị N và Phạm Văn D làm thư ký ghi số lô đề trái phép cho người chơi; sau đó, D tổng hợp bảng số lô đề, sử dụng điện thoại di động nhắn tin qua ứng dụng Zalo chuyển bảng số lô đề cho L để hưởng tiền hoa hồng. Ngày 23/5/2023, L và D1, N, D đã tổ chức cho Phạm Văn C, Lê Ngọc L, Nguyễn Văn T đánh bạc trái phép dưới hình thức mua bán số lô đề với số tiền cụ thể như sau:

Ngày 23/5/2023, Phạm Văn D1, Đặng Thị N và Phạm Văn D tổ chức đánh bạc trái phép dưới hình thức bán số lô, đề cho C, L, T và khách vắng lai với số tiền 34.682.000 đồng.

Ngoài ra, D còn đánh bạc trái phép dưới hình thức số lô đề với L số tiền 80.930.500 đồng.

Ngày 23/5/2023, Đỗ Thị L tổ chức đánh bạc trái phép dưới hình thức nhận bảng số lô đề của D1, N, D với số tiền 114.347.300 đồng.

Ngày 23/5/2023, Phạm Văn C đánh bạc trái phép dưới hình thức mua số lô đề với D với số tiền 7.471.000 đồng. Ngoài ra, C còn đánh bạc trái phép dưới hình thức mua số lô đề với Hoàng Văn T, Nguyễn Thị T với số tiền 6.250.000 đồng.

Ngày 23/5/2023, Lê Ngọc L đánh bạc trái phép dưới hình thức mua số lô đề với D với số tiền 5.125.000 đồng.

- Vợ chồng Hoàng Văn T và Nguyễn Thị T thoả thuận với đối tượng tên Đ (hiện không xác định được lai lịch) để T và T làm thư ký ghi số lô đề cho người chơi, sau đó T, T sử dụng điện thoại di động nhắn tin qua ứng dụng Zalo chuyển số lô đề cho Đ để hưởng tiền hoa hồng. Với cách thức trên, ngày 23/5/2023, T, T tổ chức cho Phạm Văn C, Đỗ Hải N đánh bạc trái phép với số tiền cụ thể như sau:

Ngày 23/5/2023, Hoàng Văn T và Nguyễn Thị T đánh bạc trái phép dưới hình thức chuyển bảng số lô đề với người tên Đ (chưa rõ danh tính) với số tiền 9.964.600 đồng.

Ngày 23/5/2023, Phạm Văn C đánh bạc trái phép dưới hình thức mua số lô đề với T, T với số tiền 6.250.000 đồng. Tổng số tiền C sử dụng đánh bạc là 13.721.000 đồng.

Hành vi trên của bị cáo Phạm Văn D đã phạm vào tội “Đánh bạc” và “Tổ chức đánh bạc” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 321 và điểm c khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự.

Hành vi trên của bị cáo Phạm Văn D1 và Đặng Thị N đã phạm vào tội “Tổ chức đánh bạc” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự.

Hành vi trên của các bị cáo Lê Ngọc L, Phạm Văn C, Hoàng Văn T và Nguyễn Thị T đã phạm vào tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, gây bức xúc trong nhân dân, là nguyên nhân phát sinh nhiều tệ nạn xã hội khác nên cần phải xử lý nghiêm đối với các bị cáo nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội.

[4] Về vai trò, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về vai trò: Các bị cáo Phạm Văn D1, Đặng Thị N và Phạm Văn D đồng phạm với nhau về tội Tổ chức đánh bạc, trong đó Phạm Văn D1 và Đặng Thị N có vai trò chính ngang nhau, Phạm Văn D có vai trò đồng phạm sau các bị cáo

Phạm Văn D1 và Đặng Thị N. Các bị cáo Hoàng Văn T và Nguyễn Thị T đồng phạm với nhau về hành vi Tổ chức đánh bạc nhưng do số tiền đánh bạc dưới 20.000.000 đồng nên các bị cáo đồng phạm về tội Đánh bạc, trong đó Hoàng Văn T có vai trò chính. Các bị cáo Phạm Văn C và Lê Ngọc L là người đánh bạc nên chịu trách nhiệm độc lập về hành vi phạm tội của mình.

Về nhân thân: Các bị cáo đều có nhân thân tốt.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Lê Ngọc L, Phạm Văn C, Hoàng Văn T và Nguyễn Thị T đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Phạm Văn D1 có bố đẻ là thương binh và có mẹ đẻ được tặng thưởng Huy chương kháng chiến; các bị cáo Phạm Văn D1, Đặng Thị N và Phạm Văn D có hoàn cảnh khó khăn, được UBND xã T xác nhận nên các bị cáo Phạm Văn D1, Đặng Thị N và Phạm Văn D được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Hình phạt chính:

Đối với bị cáo Phạm Văn D phạm hai tội nên cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt chung của hai tội.

Đối với Phạm Văn D1, Đặng Thị N, Lê Ngọc L, Phạm Văn C, Hoàng Văn T và Nguyễn Thị T đều có nhân thân tốt, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điều 51 Bộ luật Hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, quá trình tại ngoại không vi phạm, chấp hành tốt quy định pháp luật nên đủ điều kiện xét cho các bị cáo được cải tạo ngoài xã hội, dưới sự giám sát của chính quyền địa phương mà vẫn đáp ứng được yêu cầu phòng, chống tội phạm, phù hợp với quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự.

[6] Hình phạt bổ sung: Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với mục đích thu lợi bất chính nên cần phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Riêng đối với các bị cáo Phạm Văn D1 và Đặng Thị N đều trên 60 tuổi, không có thu nhập ổn định, có hoàn cảnh khó khăn được chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận nên miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

[7] Biện pháp tư pháp: Số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc sẽ bị truy thu nộp ngân sách nhà nước, cụ thể như sau:

Truy thu nộp ngân sách nhà nước đối với bị cáo Phạm Văn D số tiền bị cáo D đánh bạc chưa thanh toán cho Đỗ Thị L là 36.880.500 đồng (làm tròn 36.880.000 đồng).

Truy thu nộp ngân sách nhà nước đối với các bị cáo Phạm Văn D, Phạm Văn D1 và Đặng Thị N đã nhận của người chơi bạc sau đó chuyển bằng cho Đỗ Thị L nhưng chưa chuyển tiền cho Đỗ Thị L, với tổng số tiền là 17.011.000 đồng (Trong đó, nhận của Nguyễn Văn T 640.000 đồng, nhận của Lê Ngọc L 1.125.000 đồng và nhận của người chơi bạc không rõ tên tuổi địa chỉ là 15.246.000 đồng). Trong đó, bị cáo D1 và N có vai trò chính nên phải truy thu số tiền nhiều hơn.

Truy thu của Phạm Văn C số tiền bị cáo đánh bạc 5.721.000 đồng chưa trả cho người ghi (Trong đó, đánh bạc với Phạm Văn D 3.471.000 đồng và đánh bạc với Hoàng Văn T, Nguyễn Thị T 2.250.000 đồng).

Truy thu nộp ngân sách nhà nước đối với Hoàng Văn T và Nguyễn Thị T số tiền trúng thưởng chưa trả cho người chơi 6.400.000 đồng (Trong đó Đỗ Hải N trúng thưởng 2.400.000 đồng, Phạm Văn C trúng thưởng 4.000.000 đồng). Bị cáo T có vai trò chính nên phải truy thu số tiền nhiều hơn.

Truy thu nộp ngân sách nhà nước đối với Hoàng Văn T số tiền bị cáo đánh bạc 743.600 đồng (làm tròn 743.000 đồng).

Do Đỗ Thị L bỏ trốn, Cơ quan CSĐT đã quyết định tách vụ án nên số tiền người chơi trúng thưởng mà L chưa trả sẽ được xử lý khi xét xử Đỗ Thị L.

Đỗ Hải N đã bị xử phạt hành chính và truy thu nộp ngân sách nhà nước số tiền đánh bạc 675.000 đồng nên không xem xét về biện pháp tư pháp.

[8] Về xử lý vật chứng:

Đối với 07 chiếc điện thoại thu giữ của bị cáo Phạm Văn D, Phạm Văn D1, Lê Ngọc L, Phạm Văn C, Hoàng Văn T và Nguyễn Thị T, các bị cáo sử dụng làm công cụ, phương tiện thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu sung ngân sách nhà nước.

Đối với điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A04 màu đen thu giữ của bị cáo Đặng Thị N không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại bị cáo.

Đối với số tiền 6.100.000 đồng thu giữ của bị cáo N và số tiền 7.150.000đ thu giữ của bị cáo D được xác định là số tiền các bị cáo sử dụng thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu sung quỹ nhà nước.

[9] Các vấn đề khác:

Nguyễn Văn T và Đỗ Hải N đánh bạc với số tiền dưới 5.000.000 đồng, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Hà Nam đã quyết định xử phạt hành chính là đúng quy định của pháp luật.

Đối với đối tượng tên Đ theo Hoàng Văn T khai ở xã T, huyện T, tỉnh Hà Nam, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Hà Nam đã xác minh tại xã T có người tên Nguyễn Đình Đ, sinh năm 1988, trú tại thôn H, hiện không có mặt tại địa phương. Tiến hành nhận dạng nhưng Hoàng Văn T xác định không phải là người nhận bằng lô đề của T ngày 23/5/2023. Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Hà Nam tiếp tục xác minh, điều tra xử lý sau theo quy định của pháp luật là phù hợp.

[10] Án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[11] Quyền kháng cáo: Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng b khoản 2 và khoản 3 Điều 321; điểm c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 55; Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phạm Văn D.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Phạm Văn D1 và Đặng Thị N.

Áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Lê Ngọc L, Phạm Văn C, Hoàng Văn T và Nguyễn Thị T.

Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106; Điều 135; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với tất cả các bị cáo.

1. Tuyên bố:

Bị cáo Phạm Văn D phạm tội “Đánh bạc” và “Tổ chức đánh bạc”.

Các bị cáo Phạm Văn D1 và Đặng Thị N phạm tội “Tổ chức đánh bạc”.

Các bị cáo Lê Ngọc L, Phạm Văn C, Hoàng Văn T và Nguyễn Thị T phạm tội “Đánh bạc”.

2. Xử phạt:

Bị cáo Phạm Văn D 39 (Ba mươi chín) tháng tù về tội “Đánh bạc” và 15 (Mười lăm) tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”. Buộc bị cáo Phạm Văn D phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 54 (Năm mươi bốn) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án (được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/5/2023 đến ngày 19/10/2023).

Bị cáo Phạm Văn D1 18 (Mười tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 (Ba mươi sáu) tháng, kể từ ngày tuyên án.

Bị cáo Đặng Thị N 18 (Mười tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 (Ba mươi sáu) tháng, kể từ ngày tuyên án.

Bị cáo Lê Ngọc L 09 (Chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (Mười tám) tháng, kể từ ngày tuyên án.

Bị cáo Phạm Văn C 12 (Mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (Hai mươi bốn) tháng, kể từ ngày tuyên án.

Bị cáo Hoàng Văn T 18 (Mười tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 (Ba mươi sáu) tháng, kể từ ngày tuyên án.

Bị cáo Nguyễn Thị T 15 (Mười lăm) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 (Ba mươi) tháng, kể từ ngày tuyên án.

Giao các bị cáo Phạm Văn D1, Đặng Thị N và Lê Ngọc L cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Hà Nam giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao các bị cáo Hoàng Văn T, Nguyễn Thị T và Phạm Văn C cho Ủy ban nhân dân xã L, thành phố P, tỉnh Hà Nam giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Hình phạt bổ sung:

Phạt các bị cáo Phạm Văn D, Hoàng Văn T, Nguyễn Thị T, Lê Ngọc L và Phạm Văn C, mỗi bị cáo 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) nộp ngân sách nhà nước.

4. Biện pháp tư pháp:

Truy thu nộp ngân sách nhà nước đối với:

- Bị cáo Phạm Văn D số tiền 36.880.000 đồng (Ba mươi sáu triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng).

- Các bị cáo Phạm Văn D, Phạm Văn D1 và Đặng Thị N số tiền 17.011.000 đồng (Mười bảy triệu không trăm mười một nghìn đồng). Trong đó: Phạm Văn D1 6.011.000 đồng, Đặng Thị N 6.000.000 đồng, Phạm Văn D 5.000.000 đồng.

- Bị cáo Phạm Văn C số tiền 5.721.000 đồng (Năm triệu bảy trăm hai mươi một nghìn đồng).

- Các bị cáo Hoàng Văn T và Nguyễn Thị T số tiền 6.400.000 đồng (Sáu triệu bốn trăm nghìn đồng). Trong đó: Hoàng Văn T số tiền 3.400.000 đồng, Nguyễn Thị T số tiền 3.000.000 đồng.

- Bị cáo Hoàng Văn T số tiền 743.000 đồng (Bảy trăm bốn mươi ba nghìn đồng).

5. Xử lý vật chứng:

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động cảm ứng vỏ màu vàng nhãn hiệu Samsung Galaxy J8 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno 8 25G thu của bị cáo Phạm Văn D; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus thu của Phạm Văn D1; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro Max thu của Lê Ngọc L; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro thu của

Phạm Văn C; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus thu của Nguyễn Thị T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro thu của Hoàng Văn T.

- Trả lại bị cáo Đặng Thị N 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A04 màu đen, nhưng giữ lại để đảm bảo thi hành án.

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền: 6.100.000 đồng (Sáu triệu một trăm nghìn đồng) thu giữ của bị cáo Đặng Thị N và số tiền 7.150.000 đồng (Bảy triệu một trăm năm mươi nghìn đồng) thu giữ của bị cáo Phạm Văn D.

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao, nhận vật chứng ngày 25/12/2023 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Nam và Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam; Ủy nhiệm chỉ số 3183 ngày 26/12/2023 giữa Công an tỉnh Hà Nam và Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam).

6. Án phí: Bị cáo Phạm Văn D, Phạm Văn D1, Đặng Thị N, Lê Ngọc L, Phạm Văn C, Hoàng Văn T, Nguyễn Thị T mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, có quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Phòng KTNV và THA Tòa án tỉnh;
- Cục THA dân sự;
- Phòng HSNV Công an tỉnh;
- Bị cáo, đương sự;
- Lưu hồ sơ & HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Hải

